

Quá trình hình thành thể chế chính trị dân chủ cộng hòa ở Việt Nam

Phạm Quốc Thành¹

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: thanh.pham131@gmail.com

Nhận ngày 08 tháng 8 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Tóm tắt: Lịch sử phát triển thể chế chính trị Việt Nam có hai thời kỳ lớn: thời kỳ trước năm 1945 và thời kỳ sau năm 1945. Các thể chế chính trị trước năm 1945 đều gắn với chế độ phong kiến với các tính chất chuyên chế, tập trung quyền lực, thiếu dân chủ. Kể từ sau năm 1945, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, thể chế chính trị Việt Nam đã thay đổi về chất. Ở thể chế chính trị này, dân chủ, pháp quyền được đề cao, nhà nước hoạt động vì sự ấm no và hạnh phúc của nhân dân. Quá trình hình thành thể chế chính trị dân chủ cộng hòa ở Việt Nam năm 1945 để lại những bài học thực sự quý giá cho chúng ta trong công cuộc cải cách thể chế chính trị hiện nay.

Từ khóa: Thể chế chính trị, dân chủ, cộng hòa, Việt Nam.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The history of political institution development in Vietnam has two main stages: the one before 1945 and the one after 1945. The pre-1945 political institutions were all associated with feudalism with tyranny, concentrated power and the lack of democracy. Since 1945, when the Democratic Republic of Vietnam was born, Vietnam's political institution has changed qualitatively. In this political institution, democracy and the rule of law are promoted, with the state operating for the people's prosperity and happiness. The process of forming the republican democratic political institution in Vietnam has left us with valuable lessons in the current political reform.

Keywords: Political institution, democracy, republic, Vietnam.

Subject classification: History

1. Giới thiệu

Thể chế chính trị là một trong những bộ phận quan trọng nhất trong nền chính trị của một quốc gia. Nó đảm nhiệm nhiều vai

trò khác nhau, đặt ra những nguyên tắc giúp điều tiết hoạt động của từng thành tố tham gia cũng như toàn bộ đời sống chính trị. Thể chế chính trị dân chủ cộng hòa là một hình thức thể chế chính trị tiên bộ.

Trong lịch sử chính trị Việt Nam, thể chế chính trị dân chủ cộng hòa đầu tiên được hình thành sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Sự ra đời của thể chế chính trị dân chủ cộng hòa đưa nhân dân Việt Nam thoát khỏi ách thống trị của chế độ thực dân nửa phong kiến, từng bước xây dựng một nước Việt Nam mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài viết phân tích quan điểm sơ khai về thể chế chính trị dân chủ cộng hòa ở Việt Nam đầu thế kỷ XX; tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình thể chế chính trị kiểu mới ở Việt Nam đến năm 1945.

2. Những quan điểm sơ khai về thể chế chính trị dân chủ cộng hòa ở Việt Nam đầu thế kỷ XX

Trong những năm đầu thế kỷ XX, trước cảnh nước mất nhà tan và chế độ bóc lột nặng nề của thực dân Pháp đối với nhân dân ta, nhiều phong trào yêu nước lớn đã lần lượt ra đời và phát triển mạnh mẽ. Cùng lúc đó tư tưởng chính trị dân chủ từ nước ngoài đã du nhập vào Việt Nam; “qua văn chương, qua sách vở học thuật, giới sĩ phu tân tiến Việt Nam dần dần phát hiện ra một kho tàng tư tưởng mới lạ ở chính xứ sở kẻ thống trị mình” [19, tr.238]; nhiều phong trào ngay từ đầu đã mang màu sắc dân chủ tư sản, tiêu biểu là phong trào bạo động của Phan Bội Châu và phong trào cải cách của Phan Chu Trinh.

Phan Bội Châu là một trong những nhân vật tiêu biểu cho xu hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam. Tư tưởng chính trị chủ đạo thời kỳ đầu của ông là dùng lực lượng vũ trang để lật đổ đế quốc Pháp, nhờ ngoại viện để khôi phục độc lập, thiết lập nhà nước quân chủ lập hiến. Điều này được thể hiện qua

việc ông cùng một số chí sĩ khác thành lập Duy Tân hội năm 1904. Mục đích của Duy Tân hội là xây dựng nền quân chủ lập hiến, học tập theo mô hình nhà nước của Nhật Bản. Tuy nhiên, sau khi phong trào Đông Du thất bại, đồng thời chứng kiến sự thành công của cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, Phan Bội Châu đã “vứt bỏ những gì còn lại của tư tưởng phong kiến, thực sự trở thành người cộng hòa” [20]. Ông tập hợp lực lượng cách mạng và thành lập “Việt Nam Quang phục hội” vào năm 1912, với tôn chỉ chống Pháp giành độc lập, lập ra nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam. Trong giai đoạn cuối của sự nghiệp, Phan Bội Châu đã nói đến tính chính đáng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa nhưng chưa theo tư tưởng này. Ông viết: “trong nhà tôi có treo bóng Lenin. Những sách sau nói về chủ nghĩa xã hội tôi đã có đọc nhiều, đã nghiên cứu rất kỹ, tôi vẫn công nhận rằng những lý thuyết ấy chính đáng, nhưng chưa có thể thực hành ở xứ này được” [20], “ở nước này vẫn chưa có sự phân chia rõ ràng của hai giai cấp tư bản và lao động” [20].

Phan Chu Trinh cũng là một đại biểu lớn của khuynh hướng dân chủ tư sản thời bấy giờ. Tư tưởng chính trị nổi bật của ông là đấu tranh ôn hòa, công khai, khai thông dân trí, mở mang dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ vua quan phong kiến, tiến tới giành độc lập. Ông từng nói với Phan Bội Châu: “nếu không đập tan được nền quân chủ thì dù có khôi phục được nước cũng không phải là phúc của dân” [6, tr.222]. Theo Nguyễn Đức Sự: “Phan Chu Trinh đã nêu ra tư tưởng dân chủ như một định hướng cho cuộc cải cách này. Nội dung cơ bản của tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh là nâng cao dân quyền, là xây dựng thể chế chính trị và hệ thống pháp luật để bảo đảm cho dân

quyền” [22]. Tuy nhiên, giống như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cũng không vượt qua được những hạn chế trong tư tưởng của mình, “đó là sự ảo tưởng về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, không thấy rõ đế quốc và phong kiến cấu kết với nhau, không thấy rõ những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam, quy luật của cách mạng Việt Nam” [18, tr.294].

Ngoài hoạt động của hai nhà cách mạng tiêu biểu trên, còn có một số phong trào khác (như sự kiện các sĩ phu Lương Văn Can, Nguyễn Quyền đã mở trường Đông Kinh Nghĩa Thực ở Hà Nội nhằm cổ động tinh thần yêu nước, bài xích thực dân Pháp, khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo,...). Tuy nhiên các phong trào này sau cùng đều thất bại.

Nhìn chung, vào đầu thế kỷ XX, tại Việt Nam đã có sự du nhập của tư tưởng dân chủ tư sản (thể hiện ở đường lối chống chủ nghĩa thực dân nhằm giành lại độc lập, lập ra chế độ quân chủ lập hiến hay cộng hòa dân chủ). Tuy nhiên, những tư tưởng về dân chủ thời kỳ này còn thiếu khoa học, thiếu tính thực tiễn do những hạn chế tất yếu của giới nhân sĩ thời điểm đó.

3. Tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn từ năm 1911 đến trước 1930 về mô hình thể chế chính trị kiểu mới ở Việt Nam

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, nên từ rất sớm Nguyễn Ái Quốc đã phải chứng kiến nỗi thống khổ của người dân mất nước, nỗi nhục của một dân tộc bị mất độc lập. Người cũng sớm nhận ra hạn chế của những người yêu nước đi trước. Người cho rằng, cầu viện Nhật Bản chẳng

khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”, “ý Pháp cầu tiến bộ” chẳng khác gì “cầu xin Pháp rủ lòng thương”. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc đã tự định ra cho mình một hướng đi mới: phải đi ra nước ngoài, xem xét nước Pháp và các nước khác làm thế nào để sau đó sẽ trở về giúp đồng bào mình.

Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Ái Quốc đã bôn ba qua nhiều châu lục, tới rất nhiều quốc gia, trong đó có cả những nước tư bản phát triển. Nhưng đi tới đâu, Người cũng thấy cảnh người bóc lột người, cuộc sống khổ cực, bị áp bức nặng nề của nhân dân lao động. Tiếp xúc với những tư tưởng mới mẻ, tiến bộ về dân chủ trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* nước Pháp, “Người đã phát hiện ra những khác biệt, mâu thuẫn trong những lời tuyên bố đó với sự thể hiện nó trong hiện thực” [24, tr.560], dần nhận ra bộ mặt nửa vờ, giả tạo của nền dân chủ tư sản. Điều đó sau này được đúc kết qua tác phẩm *Đường Cách mệnh* (1927). Khi đánh giá về cách mạng Mỹ, Người viết: “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi” [8, tr.291-292]. Về cách mạng Pháp, Người đánh giá: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều

ấy” [8, tr.296]. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra sự hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Năm 1917, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp hoạt động cách mạng. Kể từ đây, những định hướng về một con đường đúng đắn cho cách mạng nước nhà, về cách thức tạo dựng thể chế dân chủ ở Việt Nam trong tương lai ngày một rõ ràng hơn. Định hướng này thể hiện qua những sự kiện tiêu biểu sau:

Thứ nhất, năm 1919 Nguyễn Ái Quốc đã gửi Hội nghị Vécxai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách này thể hiện những tư tưởng đầu tiên về quyền tự do, dân chủ ở một nước Việt Nam thuộc địa, trong đó nội dung điều thứ 7 và 8 thể hiện rõ tư tưởng của Người về một thể chế chính trị mới. Đó là: “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”, “Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ” [7, tr.469-470]. Thể chế mới mà Nguyễn Ái Quốc đề cập chính là thể chế nhà nước. Yêu sách thứ 7 đã nêu rõ: thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật. Có thể thấy, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập trực tiếp tới việc thay đổi thể chế nhà nước theo thể chế dân chủ. Nhà nước không phải là một bộ máy chuyên chế, độc đoán, có quyền áp đặt một cách bừa bãi những sắc lệnh buộc mọi người phải tuân theo. Trái lại, nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật, những văn bản được làm ra từ ý chí và nguyện vọng của nhân dân mà chính nhà nước cũng phải nghiêm túc chấp hành. Đây cũng chính là những manh nha đầu tiên về tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Điều 8 trong bản yêu sách đã cụ thể hóa

tinh thần dân chủ bằng một cách thức tổ chức chính quyền mới. Để thay đổi chế độ chính trị phản tự do, phản dân chủ tại Đông Dương lúc đó, Nguyễn Ái Quốc đã yêu sách tại điều 8 nhằm nâng cao quyền lợi và vị thế của nhân dân Việt Nam trong đời sống chính trị. Dù không được các nước lớn tại Hội nghị chấp nhận, nhưng *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* năm 1919 đã thể hiện rõ khát vọng dân chủ của nhân dân Việt Nam. Chính trong quá trình đấu tranh đòi thực hiện cho bản yêu sách này, Nguyễn Ái Quốc đã dần nhận thức rõ ràng hơn về vai trò của hiến pháp và luật pháp, về nội hàm của các phạm trù tự do, dân chủ, quyền tự quyết dân tộc.

Thứ hai, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *L’Humanité* (Nhân đạo) của Đảng Xã hội Pháp vào tháng 7-1920. Từ đó, Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [8, tr.289], “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [10, tr.30]. Tuy trong Luận cương của V.I.Lênin không đề cập trực tiếp tới vấn đề xây dựng thể chế chính trị mới ở các nước thuộc địa, nhưng nó đã tạo nên sự chuyển biến về chất trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản. Chính bước tiến lịch sử này đã định hướng cho con đường cách mạng tiếp theo của Nguyễn Ái Quốc, tác động không nhỏ tới tư duy của Người về thể chế chính trị sẽ xây dựng ở Việt Nam sau ngày độc lập.

Thứ ba, sau khi trở về Quảng Châu (Trung Quốc) để tổ chức xây dựng lực

lượng chuẩn bị thành lập Đảng và trực tiếp chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà yêu nước Việt Nam gửi bức thư cho Hội Quốc Liên với tựa đề *Nhời hô hoán cùng Vạn Quốc hội*. Bức thư nêu rõ: “Chúng tôi yêu sách với vạn quốc quyền độc lập hoàn toàn tức khắc cho dân tộc Việt Nam và quyền tự quyết. Nếu được độc lập thì chúng tôi sẽ sắp xếp lấy một nền Hiến pháp theo như những lý tưởng dân quyền; còn nếu không thì có thể biết trước rằng không bao lâu nữa dân chúng tôi sẽ khởi nghĩa” [14]. Yêu sách này đánh dấu một bước phát triển lớn trong tư tưởng lập hiến của Nguyễn Ái Quốc, cho thấy nhận thức đúng đắn của Người khi coi hiến pháp không chỉ là một văn bản pháp luật đơn thuần, mà còn là cơ sở quan trọng để từ đó xây dựng một thể chế chính trị dân chủ.

Trải qua gần hai mươi năm bôn ba ở nước ngoài, từ năm 1911 đến trước 1930, Nguyễn Ái Quốc đã không ngừng tìm tòi, khảo nghiệm về các cuộc cách mạng và thể chế chính trị ở khắp nơi trên thế giới. Nhờ đó, Người đã xác định rõ con đường của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản và dần định hình được hình thức, cấu trúc của thể chế chính trị của nước Việt Nam mới.

4. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến trước năm 1941 về mô hình thể chế chính trị kiểu mới ở Việt Nam

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo nêu rõ mục tiêu: “dựng ra chính phủ công nông binh” [9, tr.1],

chuyển giao quyền lực cho dân chúng số nhiều. Như vậy, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch rõ một mô hình thể chế chính trị mà cách mạng hướng tới.

Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương vào tháng 10-1930, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua *Luận cương chính trị*. Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã nêu trước đó. Về chính trị, Luận cương tiếp tục khẳng định: “Muốn thực hành được những điều cốt yếu ấy thì phải dựng lên chính quyền Xôviết công nông. Chỉ có chính quyền Xôviết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến, địa chủ, làm cho dân cày có đất mà cày, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ quyền lợi cho mình” [3, tr.94]. Tuy nhiên, Luận cương chính trị do chưa nắm vững được những đặc điểm của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến như Việt Nam, kết hợp với nhận thức tả khuynh, giáo điều, nên đã không chấp nhận những quan điểm mới, sáng tạo, độc lập của Nguyễn Ái Quốc, dẫn tới “thủ tiêu chính cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng” [3, tr.112]. Như vậy, chính quyền công - nông - binh chính là mô hình thể chế đầu tiên trong tư duy của Đảng. Đó là “thể chế của công - nông - binh, phát ruộng đất cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, ra sức tổ chức kinh tế mới” [3, tr.112].

Sau đó, từ năm 1930 đến trước năm 1941, bên cạnh nhiều nhiệm vụ cách mạng khác, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có hai khảo nghiệm quan trọng về vấn đề xây dựng chính quyền cách mạng như sau.

Một là, xây dựng các Xã bộ nông (trong phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931). Trong quá trình đấu tranh chống những

cuộc khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp đối với các cuộc biểu tình của quần chúng nhân dân, do có nhiều điều kiện thuận lợi, cộng với việc chính quyền thực dân phong kiến suy yếu, nhiều cấp ủy Đảng ở vùng Nghệ Tĩnh đã lãnh đạo nhân dân lập ra chính quyền cách mạng của công nhân, nông dân và quần chúng lao động, tức các Xã bộ nông. Xã bộ nông đã thực hiện nhiều chính sách quan trọng. Trong đó về chính trị, Xã bộ nông “ban bố quyền tự do dân chủ của nhân dân, tổ chức cho quần chúng tham gia các đoàn thể cách mạng, tự do bàn bạc, góp ý kiến giải quyết các vấn đề xã hội; phổ biến sách báo cách mạng; trừng trị bọn phản cách mạng, quản chế bọn hào lý, giữ gìn trật tự trị an” [12, tr.53]. Về kinh tế, văn hóa - xã hội, Xã bộ nông cũng đưa ra nhiều chính sách tiến bộ, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Tuy nhiên, do còn thiếu kinh nghiệm, chưa có sự chuẩn bị chu đáo, mắc ảnh hưởng từ tư tưởng tả khuynh, quá nhấn mạnh tới vấn đề giai cấp, mắc phải những sai lầm ấu trĩ, tiêu biểu như khẩu hiệu “trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ”, đồng thời do sự khủng bố dã man của thực dân Pháp, nên mô hình Xôviết Nghệ Tĩnh đã không thể tồn tại lâu dài. Mặc dù vậy, sự thành công bước đầu của Xôviết Nghệ Tĩnh đã đem lại niềm tin vững chắc của nhân dân vào Đảng, đồng thời giúp Đảng tự nhìn nhận lại những điểm còn hạn chế trong đường lối cách mạng của mình. “Chính thực tiễn sai lầm tả khuynh trong Xôviết Nghệ Tĩnh mà Đảng ta, trực tiếp là Trần Phú và các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, phát hiện và từng bước điều chỉnh chiến lược và sách lược ngay sau đó” [16, tr.199].

Hai là, chủ trương xây dựng Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương,

thay cho hình thức nhà nước Xôviết. Tại Hội nghị Trung ương 6 diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939, sau khi đánh giá tình hình trong nước và thế giới, Đảng kết luận: “tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập” [4, tr.537], “Lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương” [4, tr.542]. Đây là một bước chuyển hướng chiến lược quan trọng, cho thấy Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trước hết là tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Muốn cách mạng thành công, cần phải tập hợp tất cả những giai cấp, tầng lớp yêu nước tham gia cách mạng. Và mô hình thể chế dân chủ cộng hòa mới đáp ứng được yêu cầu đó.

Không chỉ khảo nghiệm về mô hình nhà nước, Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn này cũng có nhiều phát hiện mới mẻ trong vấn đề xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó quan trọng nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất, một trong những bộ phận quan trọng của thể chế chính trị Việt Nam sau này. Đảng đã lập ra các mô hình mặt trận sau: Hội phản đế đồng minh (1930) với mục tiêu tập hợp lực lượng rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống đế quốc, thực dân; Mặt trận thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương (1936) với mục tiêu chống lại đế quốc, phát xít; Mặt trận thống nhất Dân chủ Đông Dương (Mặt trận dân chủ Đông Dương) (1938) với mục tiêu đòi hòa bình, tự do, dân chủ, đánh dấu sự chuyển biến của Mặt trận từ một phong trào chuyển sang tính chất một tổ chức; Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (1939) và Mặt trận Thống nhất dân tộc chống phát xít Pháp -

Nhật (1940) với mục tiêu đấu tranh chống đế quốc và bọn phong kiến, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Các mô hình mặt trận trong từng thời kỳ đã hỗ trợ đắc lực cho Đảng Cộng sản Đông Dương trong quá trình lãnh đạo cách mạng.

Như vậy, trong giai đoạn 1930 - 1941, Đảng đã có bước phát triển trong nhận thức về mô hình thể chế chính trị cho cách mạng Việt Nam. Ban đầu Đảng đề xuất mô hình chính phủ Xôviết, đến những năm 1939 - 1941, Đảng chủ trương thay đổi mô hình Xôviết thành mô hình cộng hòa dân chủ. Đây là quyết định lịch sử, có ảnh hưởng sâu sắc tới sự thành công của cách mạng Việt Nam.

5. Quá trình hiện thực hóa tư tưởng về thể chế chính trị dân chủ cộng hòa trong giai đoạn 1941 - 1945

Năm 1941, tình thế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã trở về trực tiếp cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Một trong những dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược của Đảng ta về đường lối giải phóng dân tộc chính là Hội nghị Trung ương lần thứ 8, diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941. Hội nghị đã đưa ra nhiều quyết sách quan trọng, xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc. Hội nghị cho rằng: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp

ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” [5, tr.113].

Về vấn đề xây dựng thể chế chính trị ở Việt Nam, Hội nghị Trung ương 8 đã kế thừa tinh thần của Hội nghị Trung ương 6 (1939), chủ trương thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nghị quyết Hội nghị phân tích: “Riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thầy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” [7, tr.114].

Như vậy, tính chất dân chủ cộng hòa của nhà nước Việt Nam mới sẽ xây dựng đã được làm rõ, đó là một nhà nước không của riêng giai cấp nào, mà là một nhà nước của chung toàn thể nhân dân Việt Nam. Mô hình nhà nước này phù hợp với hoàn cảnh thực tế đất nước, đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng tập hợp đông đảo sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân với mục tiêu cao nhất là giành độc lập cho Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 8 cũng quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh* (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) gồm các hội cứu quốc của các tầng lớp nhân dân. Sau khi ra đời, Mặt trận Việt Minh đã lôi cuốn hàng triệu người thuộc các giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội, tham gia

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. “Mặt trận Việt Minh không chỉ là tổ chức chính trị - xã hội, mà còn đảm nhận vai trò của một chính quyền cách mạng. Ở vùng giải phóng, nó quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, bao gồm cả kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, thậm chí còn ban hành chính sách đối nội, đối ngoại” [1, tr.42].

Kể từ Hội nghị trung ương 8, Đảng ta đã xác định rõ hình thức thể chế chính trị dân chủ cộng hòa cho nước Việt Nam mới, thể chế này bắt đầu được cụ thể hóa dưới nhiều hình thức khác nhau trong quá trình khởi nghĩa từng phần tiến tới Tổng khởi nghĩa. Quá trình hiện thực hóa thể chế chính trị dân chủ cộng hòa được thể hiện qua các sự kiện chính như sau:

- Cuối tháng 10-1941, Mặt trận Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ. Sau đó, từ năm 1941 đến năm 1942, hàng loạt các Hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc,...) được thành lập ở nhiều tỉnh miền Bắc và một số tỉnh miền Trung. Ở Cao Bằng đã xuất hiện hình thức chính quyền nhân dân là xã hoàn toàn, tổng hoàn toàn, nghĩa là toàn thể nhân dân đều gia nhập các tổ chức cứu quốc của Việt Minh. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1941 đến thời điểm tiền khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, do chưa có chính quyền chính thức nên ở nhiều nơi, Mặt trận Việt Minh đóng vai trò như một hình thức “tiền chính phủ”, đảm nhiệm một số chức năng của Nhà nước như: quản lý xã hội, tổ chức cuộc sống mới cho nhân dân, trấn áp kẻ thù, xây dựng lực lượng vũ trang.

- Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh đã ra chỉ thị về tổ chức Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp. Chỉ thị nêu rõ: “Trong tình

thế chính quyền đế quốc có chỗ tan rã, có chỗ không được ổn định như ở Việt Nam ngày nay, Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng” [21, tr.16-17]. Ủy ban dân tộc giải phóng được thành lập ở các cấp từ cơ sở đến Trung ương. “Thành phần ủy viên trong các ủy ban do nhân dân bầu ra, mỗi đoàn thể cứu quốc có một đại biểu. Các ủy ban này có nhiệm vụ: bảo vệ quyền lợi của nhân dân; tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự; bảo vệ trật tự, trị an, ngăn ngừa và diệt trừ Việt gian phản động; phân xử các xung đột trong nội bộ nhân dân” [1, tr.27].

- Ngày 4-6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập gồm: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc ngoại tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái... Tại Khu giải phóng, lần đầu tiên hình mẫu của nước Việt Nam mới được xây dựng. Lãnh đạo Khu giải phóng là Ủy ban chỉ huy lâm thời khu giải phóng với vai trò tương đương một chính quyền trung ương. Một trong những chính sách lớn của Ủy ban này là “kiến lập nền dân chủ cộng hòa và ban bố các quyền phổ thông đầu phiếu, tự do dân chủ, dân tộc tự quyết, nam nữ bình quyền” [21, tr.17]. Dưới Ủy ban chỉ huy là Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp, do nhân dân cử ra, thực hiện 10 chính sách lớn của Việt Minh đã đưa ra năm 1941. Có thể nói, với hình thức “tiền chính phủ” này, cán bộ và nhân dân ta đã từng bước làm quen, tập dượt với thể chế chính trị mới sắp được xây dựng trong phạm vi cả nước.

- Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân đã họp tại Tân Trào. Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu Bắc, Trung, Nam và đại biểu kiều bào ở nước ngoài (Thái Lan, Lào), đại

biểu các đảng phái, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương và 10 chính sách của Việt Minh. Đại hội quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Sau đó, Ủy ban Dân tộc giải phóng đã thay mặt quốc dân Việt Nam thực hiện nhiều chính sách đối nội và đối ngoại quan trọng, góp phần vào sự thành công của Cách mạng tháng Tám. Ngày 27-8-1945, để giữ vững chính quyền cách mạng, Ủy ban đã chính thức tự cải tổ thành Chính phủ cách mạng lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, thể chế chính trị dân chủ cộng hòa cũng từ đó được chính thức xác lập và xây dựng trên phạm vi cả nước.

6. Kết luận

Từ những tư tưởng sơ khai về dân chủ và cộng hòa của những nhà yêu nước đầu thế kỷ XX, những tìm tòi và khảo nghiệm của Nguyễn Ái Quốc và của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng về thể chế chính trị dân chủ cộng hòa đã dần hình thành và được hiện thực hóa. Ngay sau Ngày Độc lập, thể chế ấy đã thi hành một loạt những chính sách sáng suốt về đối nội và đối ngoại, tạo nên sự ổn định của bộ máy chính quyền từ trung ương tới địa phương, tránh được những xung đột bất lợi với thù trong giặc ngoài, củng cố niềm tin của nhân dân vào thể chế mới. Có thể nói, quá trình xây dựng cũng như hoạt động của thể chế chính trị

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để lại những bài học thực sự quý giá cho chúng ta trong công cuộc cải cách thể chế chính trị hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lưu Văn An (2012), *Thể chế chính trị Việt Nam: Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Trần Đình Ân, Võ Trí Thanh (2002), *Thể chế - cải cách thể chế và phát triển*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Trần Bá Đệ (Chủ biên) (2009), *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2010), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Vũ Quang Hiển (2011), *So sánh nguồn sử liệu trong nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://khoalichsu.edu.vn/bai-nghien-cuu/198-so-san-ngun-s-liu-trong-nghien-cu-lch-s-ng-cng-sn-vit-nampgsts-v-quang-hin.html>
- [12] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [13] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Trần Duy Khang (2013), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc tổ chức cơ quan Lập hiến và sự ra đời của Quốc hội đầu tiên ở Việt Nam*, http://www.na.gov.vn/sach_QH/QHVN_ly_luan_va_thuc%20tien/Chuong1/7.htm
- [15] Phạm Quang Minh (2010), *Tìm hiểu Thể chế chính trị thế giới*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [16] Trình Muu (2004), *Căn nguyên của những khác biệt giữa Luận cương chính trị với Chính cương vắn tắt trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, trong: *Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một tấm gương bất diệt (Hồi ký)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] Dương Xuân Ngọc (2003), *Thể chế chính trị thế giới đương đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [18] Dương Xuân Ngọc (Chủ biên) (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Quang Ngọc (2010), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [20] Phan Đăng Thanh (2013), *Tư tưởng lập hiến của Phan Bội Châu*, <http://na.gov.vn/SachQH/Ban%20ve%20lap%20hien/Chuong1/4.htm>
- [21] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Văn phòng Quốc hội (2000), *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 - 1960*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Đức Sự (2009), *Ý nghĩa lịch sử của tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh*, <http://huc.edu.vn/y-nghia-lich-su-cua-tu-tuong-dan-chu-cua-phan-chau-trinh-1654-vi.htm>
- [23] Phạm Thái Việt (2008), *Vấn đề điều chỉnh chức năng và thể chế của nhà nước dưới tác động của toàn cầu hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [24] Viện Khoa học Chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [25] Kira Astrid B"orner (2005), *Political institutions and incentives for economic reforms*, http://edoc.ub.uni-muenchen.de/3165/1/Boerner_Kira_Astrid.pdf